

Bảng Điểm Học Phần:ANH VAN 3
Lớp: QTKD 21/1 - Khoá 21- Hệ chính quy - Bậc :TCCN
Giảng viên phụ trách:Trần Thị Oanh Đào

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm KT (hệ số 1)	Điểm KT (hệ số 2)	T.Bình Kiểm tra học phần	Điểm thi kết thúc học phần	Điểm học phần (ghi bằng số)	Điểm học phần (ghi bằng chữ)	Ghi chú
			(.1)	(.2)	(.3)	(.4)	(.5)	(.6)	
1	Nguyễn Thị Thúy	An	04/10/92	7	8	6	6	6.0	sáu chẵn
2	Vũ Thành	An	20/02/87	7	8	8	7	7.5	bảy rưỡi
3	Trương Thị Kim	Anh	08/06/92	7	8	8	6	7.0	bảy chẵn
4	Nguyễn Thùy Như	Anh	31/10/92	7	7	7	6	6.5	sáu rưỡi
5	Võ Thị Ngọc	Bích	05/07/92	6	7	7	7	7.0	bảy chẵn
6	Ngô Gia	Bình	11/08/92	6	6	6	6	6.0	sáu chẵn
7	Nguyễn Thị	Diễm	20/03/92	8	9	9	6	7.5	bảy rưỡi
8	Trần Nguyễn Vĩnh	Diễn	04/06/89	5	7	6	8	7.0	bảy chẵn
9	Nguyễn Thị Thanh	Diệp	10/01/91	8	7	7	7	7.0	bảy chẵn
10	Hoàng Kim	Dung	25/05/91	8	8	8	5	6.5	sáu rưỡi
11	Võ Thị Thùy	Dung	00/00/92	7	7	7	5	6.0	sáu chẵn
12	Tạ Quốc	Duy	29/09/91	8	8	8		4.0	bốn chẵn
13	Võ Thị Thu	Hà	07/10/92	8	5	6	4	5.0	năm chẵn
14	Nguyễn Hồng	Hào	01/04/92	5	5	5	6	5.5	năm rưỡi
15	Nguyễn Văn	Hiền	20/10/91	7	8	8	7	7.5	bảy rưỡi
16	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	30/11/92	8	8	8	6	7.0	bảy chẵn
17	Kiang Tuấn	Hiền	25/09/91	5	7	6		3.0	ba chẵn
18	Võ Trương Thanh	Hiệp	20/05/89			0		0.0	không chẵn
19	Đặng Công	Hiếu	28/08/92	8	8	8	7	7.5	bảy rưỡi
20	Tô Kim	Hùng	08/05/88	8	9	9	7	8.0	tám chẵn
21	Dịch Kim	Hùng	05/08/91	5	7	6		3.0	ba chẵn
22	Nguyễn Thị	Hương	12/03/91	7	7	7	6	6.5	sáu rưỡi
23	Dương Thị Thu	Hương	14/03/91	8	8	8	5	6.5	sáu rưỡi
24	Phạm Thị Diễm	Hương	06/12/92	6	6	6	6	6.0	sáu chẵn
25	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	28/02/92	7	8	8	4	6.0	sáu chẵn
26	Đặng Thị Thúy	Kiều	06/08/92	6	8	7	6	6.5	sáu rưỡi
27	Nguyễn Thị Kim	Lâu	14/11/91	7	8	8	7	7.5	bảy rưỡi
28	Đoàn Thịnh	Lợi	03/05/89	8	8	8	8	8.0	tám chẵn
29	Huỳnh Khánh	Long	23/05/89	8	7	7	8	7.5	bảy rưỡi
30	Huỳnh Thị	Ly	16/06/92	7	9	8	6	7.0	bảy chẵn
31	Nguyễn Ngọc Tuyết	Mai	22/12/89	6	6	6	4	5.0	năm chẵn
32	Nguyễn An	Minh	15/10/92	8	7	7	3	5.0	năm chẵn
33	Trần Quốc	Nam	26/11/90	6	7	7	6	6.5	sáu rưỡi


STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm KT (hệ số 1)	Điểm KT (hệ số 2)	T.Bình Kiểm tra học phần	Điểm thi kết thúc học phần	Điểm học phần (ghi bằng số)	Điểm học phần (ghi bằng chữ)	Ghi chú
			(.1)	(.2)	(.3)	(.4)	(.5)	(.6)	
34	Ngô Hoàng Nam	12/01/90	7	8	8	6	7.0	bảy chẵn	
35	Đặng Như Ngọc	19/04/92	6	6	6		3.0	ba chẵn	
36	Dương Thành Nguyên	04/01/91	7	8	8	5	6.5	sáu rưỡi	
37	Phan Thị Thảo Nguyên	11/02/89			0		0.0	không chẵn	
38	Nguyễn Hoàng Tuệ Nhã	18/09/89	6	8	7	7	7.0	bảy chẵn	
39	Lê Hoàng Khánh Nhân	09/03/90	6	8	7		3.5	ba rưỡi	
40	Hồ Vân Nhi	21/03/92	7	8	8	8	8.0	tám chẵn	
41	Nguyễn Thanh Nhơn	30/06/91	8	8	8	9	8.5	tám rưỡi	
42	Nguyễn Thị Huỳnh Như	17/11/92	8	9	9	7	8.0	tám chẵn	
43	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	27/06/91	7	7	7	5	6.0	sáu chẵn	
44	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	22/05/91	8	8	8	7	7.5	bảy rưỡi	
45	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	01/08/92	8	8	8	6	7.0	bảy chẵn	
46	Nghị Hồng Phát	12/11/89	8	8	8	8	8.0	tám chẵn	
47	Trần Hoài Phong	15/03/92	8	7	7	8	7.5	bảy rưỡi	
48	Trương Sỹ Phúc	04/08/91	8	8	8	8	8.0	tám chẵn	
49	Hà Kim Phụng	04/07/91	7	9	8	8	8.0	tám chẵn	
50	Trương Tấn Phước	17/05/91	5	6	6	8	7.0	bảy chẵn	
51	Nguyễn Văn Phương	05/03/92	8	8	8	7	7.5	bảy rưỡi	
52	Phan Thị Kim Quanh	27/08/92	6	8	7	7	7.0	bảy chẵn	
53	Đinh Thị Hoàng Quyên	05/11/91	8	5	6	7	6.5	sáu rưỡi	
54	Lê Đức Quyền	04/12/89	5	8	7	7	7.0	bảy chẵn	
55	Tạ Chiêu Quyền	24/09/91	8	8	8	8	8.0	tám chẵn	
56	Khuong Tấn Tài	01/02/89	5		2		1.0	một chẵn	
57	Đỗ Thị Tâm	01/12/92	6	7	7	5	6.0	sáu chẵn	
58	Nguyễn Đỗ Tân Thanh	15/02/91	7	6	6	7	6.5	sáu rưỡi	
59	Tạ Thi Thị	14/03/91	8	8	8	8	8.0	tám chẵn	
60	Hồ Thị Kim Thi	13/09/90	6	8	7	7	7.0	bảy chẵn	
61	Phạm Nguyễn Thanh Thiên	26/06/91	8	8	8	7	7.5	bảy rưỡi	
62	Lê Thị Kim Thoa	22/11/90	8	7	7	7	7.0	bảy chẵn	
63	Trần Ngọc Thương	21/07/88	8	7	7	6	6.5	sáu rưỡi	
64	Nguyễn Thị Kim Thúy	07/11/90	8	7	7	5	6.0	sáu chẵn	
65	Nguyễn Thị Minh Thùy	08/09/91	7	8	8	7	7.5	bảy rưỡi	
66	Lâm Thanh Thủy	28/04/90	7	7	7	4	5.5	năm rưỡi	
67	Trần Thị Kim Thủy	00/00/91	5	7	6		3.0	ba chẵn	
68	Trần Quốc Toản	10/04/92	5	7	6		3.0	ba chẵn	
69	Sầm Minh Tong	27/01/91	6	6	6	6	6.0	sáu chẵn	
70	Trần Thị Thanh Trúc	01/04/91	7	7	7	6	6.5	sáu rưỡi	
71	Nguyễn Văn Truyền	18/10/90	6	7	7	6	6.5	sáu rưỡi	
72	Trịnh Văn Tuấn	26/12/91	5	6	6	5	5.5	năm rưỡi	
73	Phan Thị Huyền Vi	01/10/86	5	7	6	8	7.0	bảy chẵn	
74	Huỳnh Quốc Việt	14/01/88	7	8	8	5	6.5	sáu rưỡi	


STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm KT (hệ số 1)	Điểm KT (hệ số 2)	T.Bình Kiểm tra học phần	Điểm thi kết thúc học phần	Điểm học phần (ghi bằng số)	Điểm học phần (ghi bằng chữ)	Ghi chú
			(.1)	(.2)	(.3)	(.4)	(.5)	(.6)	
75	Nguyễn Tấn Vũ	12/12/92	7	8	8	6	7.0	bảy chẵn	
76	Phùng Oanh Yến	01/01/92	6	9	8	7	7.5	bảy rưỡi	
77	Phạm Hoàng Yến	02/11/92	5	4	4		2.0	hai chẵn	
78	Bùi Thị Quỳnh Anh	08/08/91			0		0.0	không chẵn	QTKD 20/1

Giảng viên chấm I ký tên
(giảng viên phụ trách giảng dạy)

Khoa (Tổ)

Ngày 02 tháng 02 năm 2012
Giảng viên chấm II ký tên


Trần Thị Danh Đào


Nguyễn Khoa Hồng Minh

